

Số: **70** /2025/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày **31** tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành quy chế quản lý, sử dụng và khai thác phần mềm Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Cao Bằng**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BDTTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở dân tộc và tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo của phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*

*Thực hiện Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số Việt Nam giai đoạn 2019-2025”;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Cao Bằng;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành quy chế quản lý, sử dụng và khai thác phần mềm Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Cao Bằng.*

**Điều 1. Sửa đổi một số điều của Quy chế quản lý, sử dụng và khai thác phần mềm Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng**

**1. Sửa đổi khoản 3 Điều 2 như sau:**

“3. Phần mềm hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc là phần mềm hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện quản lý, cập nhật dữ liệu về công tác dân tộc; tin học hóa quá trình cập nhật, theo dõi và báo cáo dữ liệu về

công tác dân tộc; kết xuất báo cáo dữ liệu về công tác dân tộc; tổng hợp thông tin dữ liệu về công tác dân tộc trong phạm vi từng xã, phường, sở, ngành và toàn tỉnh.”

2. Sửa đổi khoản 1, khoản 3 Điều 6 như sau:

“1. Sở Dân tộc và Tôn giáo tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc quản lý, sử dụng; đồng thời trực tiếp quản lý, tổ chức, thực hiện triển khai phần mềm đến các sở, ban, ngành, các xã, phường. Tổng hợp, báo cáo và lưu trữ phiếu thu thập dữ liệu về công tác dân tộc của các cấp có liên quan trong phạm vi toàn tỉnh.”

“3. Ủy ban nhân dân các xã, phường là cơ quan sử dụng phần mềm tổng hợp, cập nhật dữ liệu về công tác dân tộc trong phạm vi xã, phường thuộc phạm vi quản lý.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường giao cho công chức thuộc cấp mình thực hiện các nhiệm vụ: sử dụng phần mềm hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc, quản lý, khai thác dữ liệu và cập nhật dữ liệu công tác dân tộc thuộc quyền quản lý trong phạm vi xã, phường.”

3. Sửa đổi điểm a khoản 2 và khoản 4 Điều 7 như sau:

“2. Tài khoản đăng nhập phần mềm hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Cao Bằng

a) Sở Dân tộc và Tôn giáo; các sở, ban, ngành; các xã, phường: Mỗi đơn vị được cấp một tài khoản truy cập vào phần mềm hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc;”.

“4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị giao cho 01 công chức quản lý, sử dụng tài khoản phần mềm hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc trong phạm vi đơn vị mình quản lý. Đối với cấp xã giao cho 01 công chức xã phụ trách công tác dân tộc quản lý, sử dụng tài khoản phần mềm tổng hợp dữ liệu về công tác dân tộc của xã, phường thuộc phạm vi quản lý. Danh sách công chức sử dụng phần mềm hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc (*họ và tên, chức vụ, bộ phận công tác, điện thoại, địa chỉ thư điện tử*) gửi về Sở Dân tộc và Tôn giáo để phối hợp theo dõi, quản lý.”

4. Sửa đổi khoản 1 Điều 8 như sau:

“1. Khi không truy cập được vào phần mềm hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc hoặc gặp sự cố khác khi sử dụng phần mềm; các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên hệ với Sở Dân tộc và Tôn giáo để được hướng dẫn, xử lý:

- Thông tin liên hệ: Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Cao Bằng

- Điện thoại: 0206 3857 441

- Email: [bandantoc@caobang.gov.vn](mailto:bandantoc@caobang.gov.vn)

- Địa chỉ: Tầng 4, Toà nhà C, Trụ sở làm việc các sở, ban, ngành tỉnh Cao Bằng, Khu đô thị mới, Phường Thục Phán, Tỉnh Cao Bằng.”

5. Sửa đổi tên khoản 4 Điều 11 như sau:

“4. Các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, phường”.

**Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số nội dung tại Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy chế quản lý, sử dụng và khai thác phần mềm Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Cao Bằng và Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND**

1. Thay thế cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường” tại Điều 3 của Quyết định.

2. Thay thế một số cụm từ tại Quy chế như sau:

Thay thế cụm từ “Ban Dân tộc” bằng cụm từ “Sở Dân tộc và Tôn giáo”; cụm từ “trưởng Ban Dân tộc” bằng cụm từ “Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo”; cụm từ “Ủy ban Dân tộc” bằng cụm từ “Bộ Dân tộc và Tôn giáo”; cụm từ “Sở Thông tin và Truyền thông” bằng cụm từ “Công an tỉnh”.

3. Bãi bỏ Khoản 4 Điều 6 tại Quy chế.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **10** tháng 01 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo; Thủ trưởng sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- VP Chính phủ;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, CV NCTH, TTTT;
- Lưu: VT, VX<sub>CM</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Hải Hoà**